TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 711/2022/HS-PT

Ngày 26 tháng 9 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà;

Ông Nguyễn Xuân Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Biểu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 493/2022/TLPT-HS ngày 02/6/2022 đối với bị cáo Bùi Văn D và bị cáo khác phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và "Cướp tài sản". Do có kháng cáo của các bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 10/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Bùi Văn D, sinh ngày 18/9/1989 tại Vĩnh Phúc; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Ngọc Đ, xã Hồng C, huyện Yên L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị O; vợ là Trần Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2021 đến ngày 23/3/2021 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo hiện tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Văn M , sinh ngày 18/8/1992 tại Vĩnh Phúc; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Ngọc Đ, xã Hồng C2, huyện Yên L2, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị O; vợ là Đặng Thị H và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2021 đến ngày 23/3/2021 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo hiện tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có: Các bị cáo Ma Văn D, Nguyễn Văn Qt; bị hại;

người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị. Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2018, Bùi Văn D thuê nhà của ông Ngô Anh T ở thôn Nhật C 1, xã Liên C, huyện Yên L2, tỉnh Vĩnh Phúc để làm cơ sở kinh doanh cầm đồ, cho vay lãi và lấy tên là "Cửa hàng cầm đồ Tín P". Sau khi mở cửa hiệu cầm đồ, D1 thuê Ma Văn D2 và Nguyễn Văn Q1 làm nhân viên giúp việc. D2 và Q1 có nhiệm vụ cho vay lãi, đốc nợ và đi thu nợ.

Ngày 16/5/2019, anh Đặng Văn T2 đến "Cửa hàng cầm đồ Tín P" của D1 thế chấp Giấy phép lái xe ô tô loại B2 để vay số tiền 20.000.000đ. Tại đây, anh T2 gặp D1 và D2. D1 đồng ý nhận cầm cố giấy phép lái xe ô tô và cho anh T2 vay 20.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/01ngày, D1 bảo D2 cắt trước 2.400.000đ tiền lãi tháng đầu và chuyển cho anh T2 số tiền gốc 17.600.000đ. Sau khi vay, anh T2 đã trả cho D1 được 02 tháng tiền lãi là 4.800.000đ. Tổng số tiền lãi anh T2 đã trả 03 tháng là 7.200.000đ. Sau đó, do hoàn cảnh nên anh T2 không trả được tiền lãi cho D1 các tháng tiếp theo. D1 đã nhiều lần cho người đến nhà anh T2 đòi nợ nhưng không lấy được tiền. Sáng ngày 06/02/2021, gia đình D1 tổ chức ăn tất niên tại nhà ông Bùi Văn C(là bố đẻ của D1) ở thôn 7, xã Hồng C2, huyện Yên L2, tỉnh Vĩnh Phúc. Tham gia ăn tất niên có khoảng 30 người đều là những người thân và bạn bè của D1 , trong đó có D1 , Bùi Văn M (là em trai của D1); Đặng Ngọc H1, Đặng Văn Q, đều trú tại Thôn Ngọc Đ, xã Hồng C2, huyện Yên Lạc (là bạn của D1); Ma Văn D2, Nguyễn Văn Q1 (người làm thuê ở quán cầm đồ của D1). Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, D2 nói với D1 : "Ngày hôm nay thằng T2 hẹn trả tiền, anh cho em đi lấy". Nghe D2 nói vậy, D1 đồng ý. Sau đó D1 bảo M3, D2, Q1 đến nhà anh T2 để đòi nợ. D2 gọi điện thoại cho anh Đỗ Tuấn A, trú tại thôn Kim L1, xã Hồng C2, huyện Yên L2 (là lái xe taxi) đến đón M3, Q1, D2. Sau khi anh Tuấn A lái xe đến thì M3, Q1, D2 lên xe vào bảo anh Tuấn A chở đến nhà anh T2 ở thôn Ngọc L, xã Hồng C2, huyện Yên L2, tỉnh Vĩnh Phúc. Khoảng 13 giờ cùng ngày, khi anh T2 đang ngồi uống nước tại nhà cùng với anh Đặng Văn B, anh Hoàng Văn Q1 (đều ở thôn Ngọc L) thì M3, Q1, D2 đi vào nhà anh T2 đòi nợ, còn anh Đỗ Tuấn A ngồi trong xe chờ ngoài cổng. Do anh T2 không có tiền trả nên nhóm M3, Q1, D2 ép anh T2 viết giấy nhận nợ số tiền gốc là 20.000.000đ, tiền lãi 24 tháng là 57.600.000đ, tổng số tiền M3, Q1, D2 ép anh T2 pH5 viết giấy nhận nợ là 77.000.000đ. Bị ép và dọa đánh nên anh T2 viết giấy nhận nợ theo yêu cầu của M3, Q1, D2. M3 đọc cho anh T2 viết giấy nhận nợ có nội dung: "Hôm nay ngày mùng 5 tháng 2, tôi Đặng Văn T2". D2 nói: "Đứng ra nhận nợ với anh Ma Văn D2", Q1 nói: "Ghi tên Bùi Văn M cũng được, cho dễ". M3 đọc tiếp cho anh T2

ghi là: "Số tiền là 20 triệu tiền gốc và 57 triệu tiền lãi, rồi đến hẹn ngày đi… bây giờ mày hẹn bao nhiêu, viết vào". Anh T2 nói: "Tháng ba âm lịch". Anh T2 đang viết theo nội dung M3, D2, Q1 đọc thì D1 gọi điện cho Q1, D2 yêu cầu cả nhóm đưa anh T2 về "Cửa hàng cầm đồ Tín P" của D1 để làm việc. Thấy vậy, M3, Q1, D2 yêu cầu anh T2 đi xe taxi cùng M3, Q1, D2 đến "Cửa hàng cầm đồ Tín P" nhưng anh T2 không đồng ý. M3, Q1, D2 lôi và đẩy anh T2 ngồi vào hàng ghế sau xe ô tô của Đỗ Tuấn A đang chờ ngoài cổng. Khi lên xe ô tô, M3, Q1 và anh T2 ngồi ở hàng ghế sau. Sau đó M3 bảo anh Tuấn A lái xe đưa cả nhóm đi về "Cửa hàng cầm đồ Tín P", còn D2 đi xe máy cùng anh Hoàng Văn Q1 theo sau. Bùi Văn D sau khi gọi điện thoại cho D2 thì D1 cùng với Đặng Ngọc H1, Đặng Văn Q từ nhà D1 đi ra "Cửa hàng cầm đồ Tín P". Khi M3, Q1 đưa anh T2 đi về cửa hàng cầm đồ thì thấy D1 , H5, Q4 đang ở cửa hàng cầm đồ. Do không ai cầm theo chìa khóa cửa hàng cầm đồ nên D1 bảo M3, D2, Q1 đưa anh T2 vào quán "Trà Chanh - Tim Tea" của anh Phùng Anh Quang đối diện với "Cửa hàng cầm đồ Tín P" của D1 . Sau khi anh T2, M3, Q1, D2, D1 , anh Hoàng Văn Q1 đi vào quán "Trà chanh - Tim Tea" thì anh Đỗ Tuấn A lái xe ô tô taxi đi đến quán nước của ông Hùng cách đó khoảng 100m ngồi uống nước và đợi nhóm M3 trả tiền taxi. Tại quán "Trà chanh - Tim Tea", D1 , M3, D2, Q1 liên tục đe dọa yêu cầu anh T2 trả nợ tiền. Khi anh T2 xin khất nợ và hứa đến 29 Tết (tức ngày 10/02/2021 dương lịch) sẽ trả trước cho D1 5.000.000đ thì D1 nói: "Tiền của bố mày vay hơn một năm nay mày cầm hai mươi triệu mày tiêu mà bây giờ mày bảo trả 5.000.000đ à", rồi D1 lao vào dùng chân, tay đánh vào đầu, vào mặt anh T2, đồng thời D1 bảo cả nhóm: "Đánh chết thằng này cho tao", thì cả nhóm gồm D1 , M3, D2, Q1 cùng lao vào dùng chân, tay đấm, đá vào người anh T2. Lúc này H5 và Q4 có mặt tại đó nhưng không tham gia đánh anh T2 mà chỉ đứng xem, anh Hoàng Văn Q1 vào can ngăn không cho nhóm của D1 đánh anh T2 nữa thì anh Hoàng Văn Q1 cũng bị các đối tượng dùng chân, tay đánh vào mặt, vào đầu. Anh T2 van xin khất nợ nhưng D1 không đồng ý mà yêu cầu anh T2 pH5 trả nợ ngay 77.000.000đ. D1 nói: "Địt mẹ mày hôm nay pH5 trả tiền ngay không tao đánh chết mày". Lúc này, anh Hoàng Văn Q1 đứng ra xin cho anh T2 về nhà lo tiền và hẹn đến chiều sẽ mang tiền trả, anh Hoàng Văn Q1 bảo D1 : "Chú bảo anh em đi, cho nó về nó thu xếp, chiều nó cầm tiền lên" thì D1 đồng ý cho anh T2 về. D1 nói: "Địt mẹ mày nhá, mày không mang tiền lên bố mày giết cả nhà mày". Sau khi được về do bị đánh đau nên anh T2, anh Hoàng Văn Q1 được gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện hữu nghị Lạc Việt, đến ngày 08/02/2021 thì ra viện, đồng thời anh T2 làm đơn tố giác nhóm D1 đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc.

Kết quả khám nghiệm hiện trường nhà anh Đặng Văn T4và quán "Trà chanh - Tim Tea", xác minh thương tích của anh Đặng Văn T4và Hoàng Văn Q3phù hợp với nội dung đã nêu trên.

Tang vật thu giữ gồm: Thu giữ 01 bàn gỗ và 01 khớp nối khi khám nghiệm hiện trường quán "Trà chanh - Tim Tea". Chị Lê Thị Kiều K (là vợ của anh T2) đã giao nộp 02 tờ giấy là "Biên bản nhận nợ của cửa hàng cầm đồ Tín P" do anh T2 viết nhận nợ 77.000.000đ theo yêu cầu của nhóm M3, D2, Q1. Anh Hoàng Văn Q1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 USB bên trong lưu giữ 01 đoạn video, 01 đoạn ghi âm nội dung nhóm D1 đòi nợ, ép nợ, bắt giữ và đánh đập anh T2. Tạm giữ của Bùi Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng. Tạm giữ của anh Đỗ Tuấn A 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota - Vios, BKS: 88A - 222.88, màu nâu vàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh. Chị Trần Thị T4 (là vợ của bị cáo D1) giao nộp 01 tờ "Giấy vay tiền kiêm nhận nợ" và 01 tờ giấy phô tô "Giấy phép lái xe" của anh Đặng Văn T2.

Tại Kết luận giám định số: 65 ngày 08/2/2021, Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc giám định đối với anh Đặng Văn T2 kết luận: "1. Dấu hiệu chính qua giám định: Vết sây sát da mặt trong cổ tay pH5 kích thước nhỏ, xếp: 01%; hiện tại bệnh nhân đang nằm điều trị: Các vết sây sát da nông, bầm tím sưng nền và mắt trái sung huyết kết giác mạc nhẹ không có khả năng để lại sẹo nên không xếp phần trăm thương tích. 2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là: 01%.

Tại Kết luận giám định số: 66 ngày 09/3/2021, Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc giám định đối với anh Hoàng Văn Q1 kết luận:"1. Dấu hiệu chính qua giám định: Các vết sây sát da, bầm tím và tấy đỏ đã mô tả không có khả năng để lại sẹo nên không xếp tỷ lệ phần trăm thương tích. 2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại là: 00%.

Tại các bản Kết luận giám định số 2401, 2370/C09-P6 ngày 28/6/2021, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: "Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa âm thanh và hình ảnh trong mẫu cần giám định. Tiếng nói của người nói giọng nam xưng "em" (ký hiệu "D2" trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Ma Văn D2 trong mẫu so sánh là của cùng một người nói. Tiếng nói của người nói giọng nam được gọi là "D1 " (ký hiệu "D1 " trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Bùi Văn D trong mẫu so sánh là của cùng một người nói. Tiếng nói của người nói giọng nam được gọi là "anh" (ký hiệu "M3" trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Bùi Văn M trong mẫu so sánh là của cùng một người nói. Tiếng nói của người nói giọng nam (ký hiệu "Q1" trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Văn Q1 trong mẫu so sánh là của cùng một người nói. Nội dung hội thoại trong mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản. Kèm theo Kết

luận giám định: 01 Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định gồm 12 trang giấy A4".

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 03/3/2021, chị Trần Thị T4 (là vợ bị cáo D1) đã đại diện cho các gia đình D1 , M3, D2, Q1 bồi thường cho anh Đặng Văn T2 tổng số tiền 120.000.000đ. Sau khi thỏa thuận bồi thường, anh Đặng Văn T2 đã có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự cho D1 , M3, D2, Q1 và không có yêu cầu, đề nghị gì khác. Đối với anh Hoàng Văn Q1 không yêu cầu bồi thường gì.

Về xử lý vật chứng: Ngày 11/6/2021 và 02/8/2021, Cơ quan điều tra đã ra Q1 định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota - Vios, BKS: 88A - 222.88, màu nâu vàng và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh cho anh Đỗ Tuấn A. Sau khi nhận lại tài sản, anh Đỗ Tuấn A không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, đã Q1 định:

Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn D và Bùi Văn M phạm tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật" và "Cướp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm đ khoản 2, khoản 6 Điều 168; điểm b, điểm s, điểm t, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Văn D 09 (chín) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật", 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Cướp tài sản", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Văn D phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 04 (bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2021 đến ngày 23/3/2021. Phạt bổ sung bị cáo Bùi Văn D số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 55; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Văn M 06 (sáu) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật", 03 (ba) năm tù về tội "Cướp tài sản", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Văn M phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2021 đến ngày 23/3/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn Q1 định tội danh và hình phạt đối với Ma Văn D2 và Nguyễn Văn Q1, về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/4/2022, Bùi Văn D và Bùi Văn M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Bùi Văn D và Bùi Văn M đều vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phạt biểu quan điểm: các bị cáo đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đều vắng mặt không có lý do, đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, vai trò, hậu quả hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, Q1 định của Tòa án cấp sơ thẩm và kháng cáo của các bị cáo, kết luận: các bị cáo Bùi Văn D và Bùi Văn M bị xét xử và xử phạt về tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật" và "Cướp tài sản" theo khoản 1 Điều 157; điểm đ khoản 2 khoản 6 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật; mức hình phạt mà cấp sơ thẩm xử phạt là thỏa đáng; tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với Bùi Văn D và Bùi Văn M .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Q1 định tố tụng: Cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Các bị cáo Bùi Văn D và Bùi Văn M đều vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt theo quy định.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Căn cứ lời khai của Bùi Văn D và Bùi Văn M tại cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhau; phù hợp lời khai của Ma Văn D, Nguyễn Văn Q1; lời kai nhận tội của D1 , M3, D2, Q1 phù hợp và thống nhất với nhau; phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các vật chứng đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thống nhất với nhận định và kết luận của Tòa án cấp sơ thẩm, về hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Ngày 16/5/2019, anh Đặng Văn T2 có vay nợ số tiền 20.000.000đ của "Cửa hàng cầm đồ Tín P" và chưa có khả năng trả nợ, nên khoảng 13 giờ ngày 06/02/2021, bị cáo Bùi Văn D1 (chủ cửa hàng cầm đồ Tín Phát) đã có hành vi chỉ đạo các bị cáo Bùi Văn M , Ma Văn D2 và Nguyễn Văn Q1 (nhân viên cửa hàng cầm đồ Tín Phát) đến nhà anh Toàn ở thôn Ngọc L, xã Hồng C2, huyện Yên L2, tỉnh Vĩnh Phúc đe dọa, ép buộc anh T2 pH5 trả nợ. Do anh T2 chưa có tiền trả nợ, nên các bị cáo M3, D2, Q1 đã ép anh T2 pH5 viết giấy biên nhận nợ số tiền 77.000.000đ (trong đó tiền nợ gốc là 20.000.000đ và tiền nợ lãi là 57.000.000đ). Sau đó anh T2 hẹn sẽ trả nợ dần thì bị cáo D1 không đồng ý. Bị cáo D đã chỉ đạo các bị cáo M3, D2, Q1 phải đưa anh Toàn về "Cửa

hàng cầm đồ Tín P". Thực hiện sự chỉ đạo của bị cáo D, các bị cáo D1, Q3và M1 đã lôi kéo, ép buộc và khống chế anh Toàn phải lên xe taxi đi từ nhà anh T2 ở thôn Ngọc L, xã Hồng C2, huyện Yên L2, tỉnh Vĩnh Phúc đến quán "Trà chanh - Tim Tea" ở thôn Nhật C1 1, xã Liên C, huyện Yên L2, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại đây, các bị cáo D1 , M3, D2, Q1 đã dùng vũ lực đấm, đá, đánh đập, ép buộc anh T2 pH5 trả nợ ngay số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi là 77.000.000đ. Hành vi bắt giữ, sau đó dùng vũ lực khiến bị hại bị tê liệt ý chí nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị cáo D , M, D, Q3đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 và tội: "Cướp tài sản" theo điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, các bị cáo Bùi Văn D và Bùi Văn M đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt theo các tội danh, điểm, khoản, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với hành vi của Ma Văn D2 và Nguyễn Văn Q1 đã bị xét xử và xử phạt về tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo khoản 1 Điều 157 và tội: "Cướp tài sản" theo điểm đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, D2 và Q1 không có kháng cáo, không bị kháng nghị. Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền nhân thân, quyền sở hữu tài sản, quyền tự do thân thể được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Trong vụ án này, cấp sơ thẩm xác định vụ án đồng phạm giản đơn, D có vai trò chính trong vụ án, là người tổ chức, chỉ đạo, điều hành, trực tiếp thực hiện tội phạm tích cực; các bị cáo Quyết, M, D đều là đồng phạm tích cực và trực tiếp thực hiện tội phạm theo sự chỉ đạo, điều hành của bị cáo D1 là có căn cứ. Mặc dù các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng, nhưng cấp phúc thẩm đồng tình cần pH5 có một mức hình phạt nghiêm, việc cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết, để cải tạo và giáo dục riêng các bị cáo, phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên, khi Q1 định hình phạt cấp sơ thẩm xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, t, (v đối với D1) khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ. Trên cơ sở đánh giá tính chất hành vi phạm tội, vai trò, hậu quả mà bị cáo gây ra, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình hình đấu tranh phòng chống với loại tội phạm này, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn D 09 (chín) tháng tù, về tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật" và 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Cướp tài sản", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Văn D phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 04 (bốn) năm tù; xử phạt bị cáo Bùi Văn M 06 (sáu) tháng tù, về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" và 03 (ba) năm tù về tội "Cướp tài sản", tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Văn M phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù là đã nhẹ. Tại cấp

phúc thẩm, ngoài tình tiết giảm nhẹ đã được áp dụng, các bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên Q1 định của bản án sơ thẩm đối với Bùi Văn D và Bùi Văn M .

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Xét thấy, các căn cứ, lập luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[5]. Các Q1 định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận, pH5 nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Q1 số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Văn D và bị cáo Bùi Văn M .

2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể như sau:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm đ khoản 2 khoản 6 Điều 168; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn D 09(chín) tháng tù, về tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật" và 03(ba) năm 03(ba) tháng tù, về tội: "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Văn D phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 04 (bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2021 đến ngày 23/3/2021.

Phạt bổ sung bị cáo Bùi Văn D số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 55; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn M 06(sáu) tháng tù, về tội: "Bắt, giữ người trái pháp luật" và 03(ba) năm tù, về tội: "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Văn M phải chấp hành hình phạt tù chung của các tội là 03(ba) năm 06(sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2021 đến ngày 23/3/2021.

3. Về án phí: Các bị cáo Bùi Văn D và Bùi Văn M mỗi bị cáo pH5 nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Q1 định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo D1 , Manh;(theo địa chỉ)
- Lưu HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Lực